

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 644/2024/DS-PT

Ngày: 23-12-2024

V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 486/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 622/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Quý tín dụng nhân dân A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn Đ – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Quý tín dụng nhân dân A; Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Nguyễn Thanh T- Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách - Quý tín dụng nhân dân A; Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1977 (Có mặt)

2.3. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm: 1935 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/06/2023, đơn kiện ngày 21/02/2024, bản khai ngày 27/12/2024, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 30/07/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân A có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thanh T trình bày: Năm 2013 ông S, bà L có ký kết hợp đồng vay với Quỹ tín dụng nhân dân A số tiền 190.000.000đ, trong đó Hợp đồng tín dụng số: 608/13, ngày 24/10/2013 với số tiền gốc là 150.000.000đ, lãi suất 1,3%/1 tháng. Hợp đồng tín dụng số: 607/13 ngày 24/10/2013 lãi suất 0,833%/1 tháng với số tiền gốc là 40.000.000đ. Hai khoản vay trên được đảm bảo Theo hợp đồng thế chấp số: 1790/13/HĐTC-BL ngày 23/10/2013 thể hiện các thửa đất số: 465, 466, 832, 835, 836, tờ bản đồ số 02, có tổng diện tích 8.882 m² do ông O đứng tên. Ngoài ra ông S, bà L có giao cho Quỹ tín dụng nhân dân A giữ dùm 01 giấy CNQSD đất thửa 167, tờ bản đồ số 4, diện tích 22.051 m² do ông S đứng tên.

Đến ngày 29/07/2014 Chi cục thi hành án huyện T trả cho Q tín dụng số tiền gốc 150.000.000đ và tiền lãi 16.575.000đ. Tổng số tiền 166.575.000đ do vợ chồng ông S vay của Quỹ tín dụng. Sau khi Chi cục thi hành án trả tiền cho vợ chồng ông S nên Q tín dụng trả lại tài sản thế chấp cho bên ông S theo quy định. Đến năm 2023 Chi cục thi hành án khởi kiện yêu cầu Quỹ tín dụng trả số tiền mà trước đây Chi cục thi hành án đã trả thay cho ông S, bà L số tiền vay gốc và lãi 166.575.000đ và bồi thường số tiền 55.994.000đ theo các bản án dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hiện nay Quỹ tín dụng đã thi hành xong các bản án nêu trên.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân A yêu cầu ông S, bà L có trách nhiệm trả lại số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số: 608/13, ngày 24/10/20213 với số tiền gốc là 150.000.000đ, lãi suất 1,3%/tháng, tạm tính lãi kể từ ngày 24/10/2013 đến ngày 16/06/2023 là 228.995.000đ, tổng cộng là 378.995.000đ và tiếp tục

tính lãi từ ngày 17/06/2023 đến khi kết thúc vụ án. Đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận Hợp đồng thế chấp số: 1790/13/HĐTC-BL ngày 23/10/2013 tài sản thế chấp là QSD đất tại thửa đất số 465, 466, 832, 835 với diện tích 8.882 m² do ông O đứng tên giấy chứng nhận QSD đất theo quy định pháp luật.

Nay Quỹ tín dụng A rút lại yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án công nhận Hợp đồng thế chấp số: 1790/13/HĐTC-BL, 23/10/2013. Không yêu cầu ông O có trách nhiệm liên đới với ông S, bà L trả tiền cho Q tín dụng. Không yêu cầu ông S, bà L tiếp tục trả lãi. Chỉ yêu cầu trả tiền gốc, lãi tại thời điểm ông S, bà L nợ 166.575.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Tại bản tự khai ngày 02/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày như sau:* Thừa nhận năm 2012 có thế chấp diện tích 22.051 m², đất tại xã P, huyện T cho Quỹ tín dụng A để vay vốn làm ăn số tiền vay 150.000.000đ. Trong thời gian vay ông không vi phạm hợp đồng, do Quỹ tín dụng tự ý lập thủ tục tách thửa diện tích 9.000 m² và phát mãi tài sản của ông cho ông T1. Sau đó ông có khởi kiện và được Tòa án trả lại đất, khôi phục lại giấy CNQSD đất và xóa hết nợ gốc ông đã vay 150.000.000đ và lãi do Quỹ tín dụng đã làm sai quy trình. Như vậy, hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn giữa ông và Quỹ tín dụng A không còn hiệu lực, không còn ràng buộc gì với nhau vì giữa các bên đã chấm dứt và đã hủy hợp đồng thế chấp vay vốn giữa các bên không còn trách nhiệm và nghĩa vụ gì với nhau nữa. Nay Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông trả nợ, ông không đồng ý.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn O đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án.*

Tại Bản án sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân A đối với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L.

2/ Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho Q tín dụng nhân dân A số tiền là 166.575.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân A đối với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn O về việc công nhận Hợp đồng thế chấp số: 1790/13/HĐTC-BL, 23/10/2013.

4/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân A đối với ông Nguyễn Văn O về việc liên đới cùng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số: 608/13, ngày 24/10/2013.

5/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân A đối với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L về việc trả lãi vay theo Hợp đồng tín dụng số: 608/13, ngày 24/10/20213 với số tiền gốc là 150.000.000đ, lãi suất 1,3%/tháng với số tiền là 228.995.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện T: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân A về việc yêu cầu ông S, bà L trả số tiền nợ là 166.575.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Nguyễn Thanh T trình bày: Quỹ tín dụng nhân dân A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L về giải quyết vụ án.

+ Bà Nguyễn Thị L trình bày: Ông S và bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý theo yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

Xét thấy, ông S, bà L thừa nhận năm 2013 có vay của Q2 theo Hợp đồng tín dụng số 607/13 ngày 24/10/2013 vay 40.000.000đ, lãi suất 0,833%/tháng và Hợp đồng tín dụng số 608/13 ngày 24/10/2013 vay 150.000.000đ, lãi suất

1,3%/tháng. Đảm bảo 02 khoản vay trên là Hợp đồng thế chấp số 1790/13/HĐTC-BL ngày 23/10/2013 đối với 05 thửa 465, 466, 832, 835, 836, TBD 02, tổng diện tích 8.882m² do ông O đứng tên GCNQSD đất. Ngoài ra, ông S, bà L có giao cho QTD A giữ giùm 01 GCNQSD đất thửa 167, TBD 4, diện tích 22.051m² do ông S đứng tên.

Ngày 29/07/2014, Chi cục thi hành án dân sự huyện T (viết tắt là CCTHA) đã trả cho Q2 thay cho ông S khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 608/13 ngày 24/10/2013 tiền gốc 150.000.000đ và tiền lãi 16.575.000đ, tổng cộng 166.575.000đ để QTD A giao GCNQSD đất thửa 167 do ông S đứng tên cho CCTHA phát mãi tài sản của ông S.

Năm 2015, CCTHA đã bán đấu giá 9.000m², một phần thửa 167 cho ông T1 để thi hành nghĩa vụ thi hành án đối với bà Q1 của ông S, bà L.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 607/13 thì ông S đã tất toán xong và Q2 đã trả lại GCNQSD do ông O đứng tên.

Năm 2018, ông S, bà L khởi kiện Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, hủy kết quả bán đấu giá tài sản, bồi thường thiệt hại tài sản, hủy GCNQSD đất. Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm tuyên xử hủy kết quả bán đấu giá tài sản; CCTHA trả lại GCNQSD đất thửa 167 cho ông S; ông T1 trả đất một phần thửa 167 cho ông S, bà L; CCTHA trả tiền bán đấu giá tài sản và bồi thường thiệt hại cho ông T1.

Năm 2021, CCTHA khởi kiện yêu cầu Q2 trả lại số tiền mà CCTHA đã trả thay cho ông S, bà L vào năm 2014 tiền gốc, lãi là 166.575.000đ và bồi thường thiệt hại 55.994.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm tuyên xử buộc Q2 trả cho CCTHA là 166.575.000đ; Q2 tự nguyện bồi thường cho CCTHA là 55.994.000đ. Q2 đã thi hành xong các bản án nêu trên.

Cho thấy, đến thời điểm hiện nay, ông S, bà L chưa tất toán xong đối với Hợp đồng tín dụng số 608/13. Do đó, QTD A yêu cầu ông S, bà L trả QTD A tiền vay gốc, lãi (tại thời điểm CCTHA đã trả thay cho ông S, bà L ngày 29/07/2014) là 166.575.000đ là có căn cứ.

Ông S cho rằng sau khi xảy ra sự việc CCTHA tự ý phát mãi tài sản của ông S nên ông S khởi kiện, Tòa án đã giải quyết trả lại đất, khôi phục lại GCNQSD đất cho ông S và đã xóa hết nợ gốc, lãi mà ông S đã vay QTD A đối với khoản vay 150.000.000đ do Q2 đã làm sai quy trình. Ông S cho rằng Hợp

đồng vay giữa ông S và Q2 không còn hiệu lực, không còn ràng buộc trách nhiệm, nghĩa vụ gì với nhau nên ông S không đồng ý trả nợ cho Q2.

Xét trình bày của ông S không có tài liệu chứng cứ chứng minh đã tất toán xong Hợp đồng tín dụng số 608/13 hoặc đã được Q2 xóa hết nợ nên trình bày của ông S là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cũng thừa nhận đến nay ông S, bà L chưa trả khoản vay 150.000.000đ cho Q2, các bản án của Tòa án không tuyên xử Q2 làm sai phải xóa nợ cho ông S, bà L.

Ông S, bà L kháng cáo không đồng ý trả tiền vay gốc, lãi 166.575.000đ cho Q2 nhưng không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh đã trả xong nợ.

Do đó, kháng cáo của ông S, bà L là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông S, bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quỹ tín dụng nhân dân A khởi kiện ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp đòi lại tài sản, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Ông S và bà L (vợ chồng ông S) kháng cáo trong thời hạn nên chấp nhận. Ông Đặng Văn Đ Chủ tịch HĐQT Quỹ tín dụng nhân dân A ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh T, thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng phù hợp nên chấp nhận. Ông O được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Ông Nguyễn Thanh T trình bày, vào năm 2013 vợ chồng ông S ký kết hợp đồng vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân A số tiền 190.000.000đ và thế chấp các thửa đất 465, 466, 832, 835, 836 do ông O đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, đồng thời có giữ giùm giấy chứng nhận cấp cho ông S thuộc thửa 167, đến ngày 29/7/2014 Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (Chi cục T2) nộp tiền vào Quỹ tín dụng để thanh toán tiền vay của vợ chồng ông S, tổng cộng vốn lãi là 166.575.000đ. Tuy nhiên Quỹ tín dụng nhân dân A đã hoàn trả lại cho Chi cục THASD số tiền 166.575.000đ và bồi thường cho Chi cục THAS số tiền 55.994.000đ. Nay yêu cầu vợ chồng ông S phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền 166.575.000đ.

Vợ chồng ông S cho rằng có vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân A số tiền 150.000.000đ, trong thời gian vay không có vi phạm hợp đồng nhưng do Q tín dụng tự ý lập thủ tách thửa đất đối với diện tích 9.000m² (một phần thửa 167) và phát mãi tài sản bán đấu giá phần đất này. Vợ chồng ông S khởi kiện tranh chấp đã được Tòa án giải quyết trả lại đất cho vợ chồng ông S và xóa hết nợ vay (vốn 150.000.000đ và lãi) do Quỹ tín dụng làm sai quy trình. Vì vậy không đồng ý theo yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân A.

[3] Xét thấy, ngày 24/10/2013 Quỹ tín dụng nhân dân A và vợ chồng ông S ký hai hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng số 607/13 vay số tiền 40.000.000đ, lãi suất 0,833%/tháng và hợp đồng số 608/13 vay số tiền 150.000.000đ lãi suất 1,3%/tháng. Để bảo đảm nghĩa vụ trả tiền vay theo hai hợp đồng nêu trên nên đã thế chấp các thửa đất 465, 466, 832, 835, 836 do ông O đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ. Ngày 10/12/2014, vợ chồng ông S đã tắt toán xong hợp đồng số 607/13.

Ngoài ra vợ chồng ông S có gửi Quỹ tín dụng nhân dân A giữ gìn giấy chứng nhận QSDĐ do ông S đứng tên thuộc thửa số 167 diện tích 22.051m², nhưng đại diện Quỹ tín dụng lại giao giấy chứng nhận không phải là tài sản thế chấp này cho Chi cục THADS và 05/11/2012 Chi cục T3 kê biên diện tích 9.000m² (trong tổng diện tích 22.051m²) thuộc một phần thửa 167. Ngày 17/6/2014 Chi cục T3 phát mãi bán đấu giá diện tích 9.000m², đến ngày 29/7/2014 Chi cục THADS nộp số tiền 166.575.000đ để thanh toán tiền vốn và lãi vay theo hợp đồng số 608/13. Tại quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 148/2021/DSPT ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên hủy kết quả bán đấu giá ngày 17/6/2014, đối với phần diện tích 9.000m² thuộc một phần thửa số 167 và chấp nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn T1 (người trúng đấu giá) trả lại 9.000m² cho vợ chồng ông S. Đồng thời, Quỹ tín dụng nhân dân A phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Chi cục THADS số tiền đã nhận 166.575.000đ và bồi thường số tiền là 55.994.000đ, theo quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 204/2023/DSPT ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Qua nội dung trên cho thấy các Bản án dân sự phúc thẩm số 148/2021/DSPT và số 204/2023/DSPT nêu trên đã có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông S được nhận lại đất tranh chấp, Quỹ tín dụng nhân dân A đã thi hành án xong. Trong khi đó vợ chồng ông S nhận tiền vay theo hợp đồng 608/13 đến nay chưa thanh toán vốn, lãi nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Quỹ tín dụng là không có cơ sở.

[4] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của vợ chồng ông S, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của vợ chồng ông S. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông S và bà L liên đới chịu số tiền 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân A đối với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho Q tín dụng nhân dân A số tiền là 166.575.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân A đối với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn O về việc công nhận Hợp đồng thế chấp số: 1790/13/HĐTC-BL ngày 23/10/2013.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân A đối với ông Nguyễn Văn O, về việc liên đới cùng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số: 608/13, ngày 24/10/2013.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân A đối với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L, về việc trả lãi vay theo Hợp đồng tín dụng số: 608/13, ngày 24/10/20213 với số tiền gốc là 150.000.000đ, lãi suất 1,3%/tháng với số tiền là 228.995.000đ.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 8.328.000 đồng (Tám triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

H lại cho Q tín dụng nhân dân A toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BG/2023/0001252 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L phải liên đới nộp án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0011759 ngày 09/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng